

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HC-PT

Ngày: 07/01/2022

V/v: Khiếu kiện QĐHC và HVHC về  
QLNN trong lĩnh vực đất đai, thuộc  
trường hợp không cấp Giấy chứng nhận  
QSD đất và Giải quyết KN trong việc  
không cấp Giấy chứng nhận QSD đất.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Tấn

*Các Thẩm phán:* 1/ Ông Tô Chánh Trung

2/ Ông Phạm Hồng Phong

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao  
tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân:*** Ông Nguyễn Văn Đức, Kiểm sát viên cao  
cấp Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 07/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí  
Minh, xét xử công khai vụ án hành chính phúc thẩm, thụ lý số 522/2021/TLPT-HC  
ngày 04/11/2021, về việc: “*Khiếu kiện QĐHC và HVHC về QLNN trong lĩnh vực  
đất đai, thuộc trường hợp không cấp Giấy chứng nhận QSD đất và Giải quyết KN  
trong việc không cấp Giấy chứng nhận QSD đất*”, giữa các bên đương sự:

***Người khởi kiện:*** 1/ Bà Huỳnh Thị Trúc M, sinh năm 1963

2/ Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số 08 NH, phường A, thành phố T, tỉnh Long An (Có mặt)

Người bảo vệ quyền lợi cho phía người khởi kiện:

Ông Nguyễn Anh Tr, Văn phòng luật sư Nguyễn Anh Tr, Đoàn Luật sư tỉnh  
Long An (Bà M, ông T từ chối người bảo vệ tại phiên tòa phúc thẩm).

***Người bị kiện:***

1/ Ủy ban nhân dân phường X, thành phố T, tỉnh Long An..

2/ Chủ tịch UBND phường X, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh Th, Phó Chủ tịch Ủy ban  
nhân dân phường X, thành phố T (Có mặt)

3/ Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

4/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Hồng Th, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T.

Người bảo vệ quyền lợi cho phía người bị kiện: Ông Lữ Văn Kh, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, tỉnh Long An (Có mặt)

*Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân thành phố T, Long An*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Người khởi kiện bà Huỳnh Thị Trúc M, ông Nguyễn Quốc T trình bày:*

Năm 2018, bà Huỳnh Thị Trúc M và con trai bà là ông Nguyễn Quốc T làm đơn xin đăng ký kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 6, diện tích 392,143m<sup>2</sup> loại đất ODT tọa lạc số 08 Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Tân An, tỉnh Long An (theo sổ bộ là 357,65m<sup>2</sup>).

Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân phường X không thực hiện thủ tục đăng ký cho Bà M và ông T mà trả lời Bà M bằng Văn bản số 304/UBND-VP ngày 19/4/2018 nội dung: Yêu cầu Bà M bổ sung văn bản của những người thừa kế của bà Nguyễn Thị Ch.

Bà M không đồng ý nên khiếu nại và được UBND phường X và UBND thành phố T giải quyết nhiều lần. Chủ tịch UBND tỉnh Long An cũng có nhiều văn bản chỉ đạo UBND thành phố xem xét nhưng UBND thành phố T không xem xét và gần nhất là Văn bản số 313/UBND-NCTCP ngày 17/01/2020 về việc chỉ đạo, hướng dẫn giải quyết nội dung kiến nghị của bà Huỳnh Thị Trúc M (lần 2) của UBND tỉnh Long An.

Sau khi nhận được Văn bản số 313/UBND-NCTCD nêu trên, Bà M tiếp tục liên hệ UBND phường X và UBND thành phố T, nhưng không được giải quyết. Do đó, bà Huỳnh Thị Trúc M và ông Nguyễn Quốc T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc UBND phường X và UBND thành phố T thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Huỳnh Thị Trúc M và ông Nguyễn Quốc T. Đồng thời Bà M và ông T yêu cầu hủy các Quyết định hành chính của UBND phường X và UBND thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của Bà M.

*Người bị kiện Ủy ban nhân dân phường X và Chủ tịch UBND phường X do bà Lê Thị Hồng T là người đại diện theo pháp luật trình bày:*

Năm 2018, Ủy ban nhân dân phường X có tiếp nhận hồ sơ xin đăng ký kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Bà M và ông T (con Bà M) đối với nhà đất số 08 Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

UBND phường X thẩm tra nguồn gốc đất xác định là của bà Nguyễn Thị Ch đã được UBND thị xã Tân An (nay là UBND thành phố T) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do bà Ch không nộp tiền sử dụng đất theo quy định và bà Ch chết năm 2009 nên UBND thành phố T đã thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Ch. Do đó, UBND phường X trả lời Bà M bằng Văn bản 304 ngày 19/4/2018, nội dung không đồng ý thực hiện thủ tục cấp giấy cho Bà M và ông T.

Bà M khiếu nại, Chủ tịch UBND phường X và Chủ tịch UBND thành phố T giải quyết bằng Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 và Quyết định 528/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 nội dung bác đơn khiếu nại của Bà M. Bà M tiếp tục khiếu nại và UBND tỉnh Long An có Văn bản số 313/UBND-NCTCD ngày 17/01/2020 yêu cầu xem xét đơn Bà M.

Tuy nhiên, sau khi có Văn bản số 313/UBND-NCTCD ngày 17/01/2020 của UBND tỉnh Long An, Bà M tiếp tục yêu cầu nhưng xét Bà M vẫn chưa cung cấp được văn bản từ chối di sản hoặc văn bản thuận phân di sản thừa kế để xác định các đồng thừa kế của bà Ch đồng ý cho Bà M và ông T kê khai đăng ký quyền đăng ký sở hữu đất và tài sản trên đất, nên hồ sơ vẫn chưa trả Bà M mà UBND phường X vẫn lưu giữ.

Vì vậy, UBND phường X xác định hồ sơ của Bà M chưa đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chủ tịch UBND phường X ban hành các quyết định không thực hiện thủ tục cấp giấy và không chấp nhận khiếu nại của bà Huỳnh Thị Trúc M là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của Bà M và ông T.

*Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch UBND thành phố T có văn bản trình bày:*

Các Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 26/02/2019, số 245/QĐ-UBND ngày 04/12/2018, số 4335/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của Chủ tịch UBND phường X ban hành là đúng quy định pháp luật. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành các quyết định gồm: Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 của Chủ tịch UBND thành phố T giải quyết khiếu nại lần hai của Bà M; Quyết định số 1413/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố T giải quyết khiếu nại lần đầu của Bà M và Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 giải quyết khiếu nại lần hai của Bà M được ban hành đúng quy định pháp luật.

Đối với các Quyết định số 4335/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 về việc thu hồi Quyết định số 793/QĐ-UBND ngày 09/8/2007 của UBND thị xã Tân An về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Ch ban hành đúng quy định pháp luật.

Nguồn gốc thửa đất 99, tờ bản đồ số 6, diện tích 357,65m<sup>2</sup>, loại đất ODT tọa lạc số 08 Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Tân An, tỉnh Long An là của ông Nguyễn Văn U (ông nội bà Nguyễn Thị Ch). Năm 1927, ông U cất nhà sử dụng nhà ở ổn định đến năm 1962 thì ông U chết. Từ năm 1962, bà Nguyễn Thị G (con ruột ông U) và bà Nguyễn Thị Ch cùng sinh sống tại căn nhà trên. Đến năm 1987, bà G chết nên bà Ch cùng các con sinh sống tại căn nhà trên. Ngày 04/7/2007, bà Ch đăng ký kê khai được UBND phường X tiến hành niêm yết hồ sơ (không ai tranh chấp). Ngày 09/8/2007, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 793/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ch (Giấy số AI 564915). Do bà Ch chưa nộp tiền sử dụng đất và thuế trước bạ nên UBND thị xã chưa giao giấy cho bà Ch. Đến ngày 13/8/2010, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 1320/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Ch. Lý do người đứng tên xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chết trước khi trao giấy (bà Ch chết ngày 30/11/2009).

Ngày 12/9/2016, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 4335/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 793/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ch. Lý do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị hủy.

Do đó, Bà M và ông T không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do không đủ điều kiện để thừa kế quyền sử dụng đất (thiếu hàng thừa kế là các anh chị em Bà M) nên UBND phường X không xác nhận tình trạng sử dụng đất của Bà M. Năm 2016, phát sinh yêu cầu tranh chấp về tài sản thừa kế (đất và nhà số 08 Nguyễn Huệ của bà Ch) giữa các con của bà Ch (anh, chị em ruột Bà M). Do không đủ thủ tục thụ lý nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An chưa giải quyết.

Ngày 02/02/2018, Bà M và ông T tiếp tục gửi đơn xin đăng ký cấp Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, kèm theo bản tường trình nguồn gốc đất, nhà, bản vẽ hiện trạng nhà, biên bản xác định ranh giới đất liền kề nhưng UBND phường X chưa thể xác nhận cho Bà M đủ điều kiện cấp giấy. Lý do: gia đình Bà M chưa có văn bản thuận phân di sản thừa kế theo quy định. Bà M khiếu nại và được UBND thành phố T trả lời bằng Công văn số 2740/UBND-TCD ngày 17/10/2018. Bà M khiếu nại lên UBND tỉnh Long An, UBND tỉnh Long An ban hành Văn bản 313/UBND-NCTCD ngày 17/01/2020 chỉ đạo giải quyết nội dung đơn của Bà M (lần 2). Sau khi có Văn bản 313/UBND-NCTCD ngày 17/01/2020 của UBND tỉnh Long An, Bà M tiếp tục yêu cầu cấp Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất nhưng chưa bổ sung được văn bản thuận phân di sản thừa kế.

UBND thành phố T xác định việc Bà M, ông T xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thông qua thuận phân di sản thừa kế là chưa phù hợp quy định pháp luật do đó UBND thành phố T không thể thực hiện theo đề nghị.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Người khởi kiện thay đổi yêu cầu khởi kiện, Bà M chỉ yêu cầu xem xét hành vi hành chính của UBND phường X và UBND thành phố T về việc không thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Bà M và ông T, Bà M rút lại yêu cầu khởi kiện các quyết định hành chính của Chủ tịch UBND phường X, Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của Bà M, rút yêu cầu xem xét Quyết định số 4335/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của UBND thành phố T về việc thu hồi Quyết định số 793/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ch, Quyết định số 793/QĐ-UBND ngày 09/8/2007 của UBND thị xã Tân An về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Ch và Quyết định số 1320/QĐ-UBND ngày 13/8/2010 của UBND thành phố T về việc hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Ch.

*Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 36/2021/HC-ST ngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, đã tuyên xử:*

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Trúc M và ông Nguyễn Quốc T về việc yêu cầu hủy các quyết định hành chính gồm:

Quyết định số 4335/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của UBND thành phố T về việc thu hồi Quyết định số 793/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ch.

Quyết định số 793/QĐ-UBND ngày 09/8/2007 của UBND thị xã Tân An về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Ch.

Quyết định số 1320/QĐ-UBND ngày 13/8/2010 của UBND thành phố T về việc hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Ch.

Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 04/12/2018 của Chủ tịch UBND phường X về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu).

Quyết định số 1413/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

Quyết định 1415/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết khiếu nại lần hai.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Trúc M và ông Nguyễn Quốc T.

Tuyên bố Hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân phường X, thành phố Tân An và Ủy ban nhân dân thành phố T về việc không thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa số 99, tờ bản đồ số 6, loại đất ở đô thị tọa lạc phường 1, thành phố Tân An, tỉnh Long An, cho bà Huỳnh Thị Trúc M và ông Nguyễn Quốc T là trái pháp luật.

Hủy Công văn 304/UBND-VP ngày 19/4/2018 của UBND phường X, Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của Chủ tịch UBND phường X về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, Quyết định 36/QĐ-UBND ngày 26/02/2019 của Chủ tịch UBND phường X về việc sửa đổi, hủy bỏ Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 16/10/2018, Quyết định 528/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết khiếu nại lần hai.

Buộc Ủy ban nhân dân phường X, thành phố Tân An và Ủy ban nhân dân thành phố T phải thực hiện hành vi công vụ về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Huỳnh Thị Trúc M và ông Nguyễn Quốc T đối với thửa số 99, tờ bản đồ số 6, loại đất ở đô thị tọa lạc phường 1, thành phố Tân An, tỉnh Long An đúng diện tích thực tế Bà M, ông T sử dụng theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

*Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/6/2021 Ủy ban nhân dân thành phố T có làm đơn kháng cáo, nêu lý do:*

Bản án sơ thẩm không thỏa đáng, đề nghị phúc xử lại theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà M, ông T.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Phía người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phía người bị kiện thì đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, bác yêu cầu khởi kiện của Bà M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà M, ông T.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

*[1] Về thủ tục kháng cáo:*

Đơn kháng cáo của phía Ủy ban nhân dân thành phố T làm trong hạn luật định nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

*[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của Bà M thì vụ án có quan hệ tranh chấp: “*Khiếu kiện QĐHC và HVHC về QLNN trong lĩnh vực đất đai, thuộc trường hợp không cấp Giấy chứng nhận QSD đất và Giải quyết KN trong việc không cấp Giấy chứng nhận QSD đất*”.

Các quan hệ tranh chấp trên được pháp luật quy định tại Điều 3, Điều 28, Điều 115 Luật tổ tụng Hành chính; Luật đất đai; Nghị định 43/2014/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật đất đai.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và giải quyết đúng thẩm quyền được pháp luật quy định tại các Điều 31, 32 Luật tổ tụng Hành chính.

*[3] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo:*

[3.1] Bà Huỳnh Thị Trúc M và ông Nguyễn Quốc T nộp đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa 99, tờ bản đồ số 6, diện tích 392,143m<sup>2</sup>, khi tiếp nhận hồ sơ UBND phường X có trách nhiệm xác định nguồn gốc đất, hiện trạng sử dụng và tình trạng có hay không có tranh chấp theo quy định tại Điều 101 Luật đất đai, khi thực hiện xong báo cáo đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xem xét giải quyết theo quy định.

Khi lập tờ trình đến UBND thành phố T, nếu đủ hay không đủ điều kiện thì ghi rõ nội dung để UBND thành phố T giải quyết hoặc UBND thành phố T trả lời cho Bà M về việc cấp hay không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Do đó, việc UBND phường X, thành phố Tân An ban hành văn bản trả lời về việc từ chối cấp giấy chứng nhận cho đương sự, với lý do không đủ điều kiện là chưa đúng thẩm quyền theo luật định.

Ngoài ra, khi tiếp nhận hồ sơ UBND phường X đã yêu cầu Bà M, ông T nộp văn bản thuận phân di sản thừa kế là không có căn cứ hợp pháp, vì tại thời điểm Bà M, ông T xin cấp Giấy chứng nhận, thì nhà đất trên được xác định không thuộc sở hữu được cấp cho ai và không có ai tranh chấp.

[3.2] Quá trình giải quyết khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh Long An đã có Văn bản số 313/UBND-NCTCD xác định trường hợp Bà M đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận theo luật định, nhưng UBND phường X không chấp hành là trái với nguyên tắc hành chính về điều hành và chấp hành văn bản cơ quan quản lý nhà nước cấp trên. Do đó, việc UBND phường X không tiếp nhận hồ sơ và trả lời bằng văn bản về việc không thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận cho Bà M, ông T là trái quy định pháp luật.

[3.3] Chủ tịch UBND thành phố T khi giải quyết khiếu nại của Bà M, ông T, đã không xem xét đến quá trình đăng ký đất đai, thực tế sử dụng đất, xem xét đến các trình tự, thủ tục khi tiếp nhận hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại UBND phường X theo luật định của pháp luật. Ngoài ra, đã không thực hiện theo nội dung của quyết định giải quyết khiếu nại do Chủ tịch UBND tỉnh Long An ban hành đang có hiệu lực pháp luật thi hành.

[3.4] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía Bà M, ông T là có căn cứ, hợp pháp.

[3.5] Phía UBND thành phố T kháng cáo, nhưng cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở chấp nhận.

*[4] Về án phí hành chính phúc thẩm:* Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên UBND thành phố T chịu án phí HCPT theo luật định.

*[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.*

Bởi các lẽ trên.

Căn cứ Điều 241 Luật tố tụng Hành chính.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của UBND thành phố T, tỉnh Long An.  
Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 3, 28, 32, 115 Luật tố tụng hành chính 2015.

Áp dụng các Điều 101, 105, 166 Luật Đất đai năm 2013.

Áp dụng Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Áp dụng Nghị quyết về Lệ phí, án phí tòa án.

Áp dụng Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Trúc M và ông Nguyễn Quốc T về việc yêu cầu hủy các quyết định hành chính gồm:

Quyết định số 4335/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của UBND thành phố T về việc thu hồi Quyết định số 793/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ch.

Quyết định số 793/QĐ-UBND ngày 09/8/2007 của UBND thị xã Tân An về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Ch.

Quyết định số 1320/QĐ-UBND ngày 13/8/2010 của UBND thành phố T về việc hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Ch.

Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 04/12/2018 của Chủ tịch UBND phường X về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu).

Quyết định số 1413/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

Quyết định 1415/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết khiếu nại lần hai.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Trúc M và ông Nguyễn Quốc T.

3/ Tuyên bố Hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân phường X, thành phố T và Ủy ban nhân dân thành phố T về việc không thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa số 99, tờ bản đồ số 6, loại đất ở đô thị tọa lạc phường 1, thành phố Tân An, tỉnh Long An, cho bà Huỳnh Thị Trúc M và ông Nguyễn Quốc T là trái pháp luật.

4/ Hủy Công văn 304/UBND-VP ngày 19/4/2018 của UBND phường X, Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của Chủ tịch UBND phường X về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, Quyết định 36/QĐ-UBND ngày 26/02/2019 của Chủ tịch UBND phường X về việc sửa đổi, hủy bỏ Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 16/10/2018, Quyết định 528/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết khiếu nại lần hai.

5/ Buộc Ủy ban nhân dân phường X, thành phố T và Ủy ban nhân dân thành phố T phải thực hiện hành vi công vụ về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Huỳnh Thị Trúc M và ông Nguyễn Quốc T đối với thửa số 99, tờ bản đồ số 6, loại đất ở đô thị tọa lạc phường 1, thành phố Tân An, tỉnh Long An đúng diện tích thực tế Bà M, ông T sử dụng theo quy định pháp luật.

6/ Về án phí Hành chính phúc thẩm: UBND thành phố T chịu số tiền 300.000đồng, được khấu trừ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí kháng cáo, theo Biên lai thu số 0003161 ngày 28/6/2021 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Long An, như vậy UBND thành phố T đã nộp xong án phí HCPT.

7/ Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

8/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao.
- VKSNDCC tại Tp. HCM.
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.
- Tòa án nhân dân tỉnh Long An.
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.
- Các đương sự (Đề thi hành).
- Lưu văn phòng; hồ sơ vụ án, NTV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**LÊ HOÀNG TẤN**